

Số: 345 /LĐLĐ

Ninh Bình, ngày 02 tháng 11 năm 2020

“V/v báo cáo hoạt động công đoàn năm 2020,
nhiệm vụ trọng tâm năm 2021”

**Kính gửi: - Các Ban LĐLĐ tỉnh;
- Các LĐLĐ huyện, thành phố, CDN.**

Thực hiện Công văn số 1189/TLĐ, ngày 03/11/2020 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc hướng dẫn báo cáo hoạt động công đoàn năm 2020, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh hướng dẫn báo cáo kết quả hoạt động công đoàn năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

I. Về tình hình công nhân, viên chức, lao động

Những vấn đề nổi lên trong công nhân, viên chức, lao động, trong quan hệ lao động có tác động đến tổ chức và hoạt động công đoàn, quan tâm tới các vấn đề mới phát sinh nhất là tình hình dịch bệnh Covid - 19 trong thực tiễn với những tác động, ảnh hưởng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với tổ chức Công đoàn.

II. Về kết quả hoạt động công đoàn năm 2020

Bên cạnh đánh giá kết quả hoạt động công đoàn trên các mặt công tác, những hoạt động thường xuyên, định kỳ, đề nghị tập trung vào một số nội dung lớn:

1. Tác động của dịch bệnh Covid - 19 đối với đời sống của đoàn viên, người lao động; hoạt động chăm lo, hỗ trợ cho đoàn viên, CNLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19 (Công tác chỉ đạo; công tác tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền, phối hợp với cơ quan liên quan, người sử dụng lao động; kết quả tổ chức các hoạt động chăm lo, hỗ trợ trực tiếp cho đoàn viên, người lao động; công tác kết nối thông tin góp phần giải quyết việc làm cho CNLĐ...).

2. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-BCH ngày 02/3/2020 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn năm 2020; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2020 theo quyết định số 265/QĐ-TLĐ ngày 18/02/2020 và Công văn số 31/LĐLĐ ngày 06/02/2020 của BTV LĐLĐ tỉnh; kết quả việc cụ thể hóa chủ đề năm “Nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở” với 7 nhóm vấn đề chủ yếu¹.

¹ Phát huy vai trò chủ động, tích cực của công đoàn cơ sở trong tổ chức thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể; Nâng cao hiệu quả thực hiện QCDC, chú trọng đối thoại để giải quyết những vấn đề mà công nhân, lao động quan tâm; Tăng cường thông tin tuyên truyền ở cơ sở; Tổ chức các hoạt động ở cơ sở thật sự xuất phát từ nhu cầu, đáp ứng nguyện vọng của đoàn viên, người lao động theo hướng tăng quyền thụ hưởng, tính thiết thực, sát hợp; Phát huy vai trò của đoàn viên công đoàn trong đề xuất nội dung, thực hiện nhiệm vụ và giám sát đối với hoạt động công đoàn cơ sở và BCH CĐCS; Đổi mới công tác cán bộ công đoàn cơ sở, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho chủ tịch công đoàn cơ sở và tăng cường sự gắn kết giữa đoàn viên với cán bộ công đoàn; Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nhất là trong công tác tài chính.

3. Các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

4. Hoạt động tham gia góp ý văn kiện Đại hội Đảng các cấp và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Công tác lựa chọn, giới thiệu nhân sự của tổ chức Công đoàn tham gia cấp ủy các cấp (*thống kê số liệu cán bộ công đoàn tham gia cấp ủy các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025*).

5. Kết quả tổ chức Tháng Công nhân và Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020 theo Kế hoạch số 13/KH-TLĐ ngày 12/3/2020 của BTV LĐLĐ tỉnh.

6. Kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở gắn với nâng cao chất lượng công đoàn cơ sở. Việc triển khai phần mềm quản lý đoàn viên và đổi thẻ đoàn viên công đoàn.

7. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, nghị quyết cụ thể hóa các khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam; Nghị quyết Đại hội XV Công đoàn Ninh Bình. Việc triển khai Kế hoạch số 27/KH-LĐLĐ ngày 14/8/2020 sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XV Công đoàn Ninh Bình và Đại hội XII Công đoàn Việt Nam.

8. Kết quả tổ chức các hoạt động chăm lo Tết cho đoàn viên, người lao động, chương trình Tết Sum vầy; Ngày hội công nhân (*nếu có*). Kết quả tổ chức các hoạt động chăm lo cho đoàn viên, người lao động (*ngoài hoạt động chăm lo cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19*).

9. Kết quả tổ chức hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến trong CNVCLĐ giai đoạn 2015 - 2020 và tổng kết phong trào thi đua “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ giai đoạn 2015-2020.

10. Các hoạt động sáng tạo, mang lại kết quả trong thực tiễn hoạt động ở các cấp công đoàn. Việc đổi mới phương thức hoạt động trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh.

Đề nghị các đơn vị tập trung đánh giá những cách làm, mô hình mới, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể tại các cấp công đoàn (có các số liệu chứng minh cụ thể).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG (Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất kiến nghị)

IV. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

Căn cứ Chương trình công tác của các cấp công đoàn, dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện năm 2021.

*** Lưu ý:**

- Các Ban LĐLĐ tỉnh xây dựng báo cáo kết quả các chuyên đề theo chức năng nhiệm vụ gửi về Tổng Liên đoàn và Văn phòng LĐLĐ tỉnh trước ngày 20/11/2020.

- LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐN:

+ Xây dựng Báo cáo và kèm theo biểu mẫu thống kê số liệu ước thực hiện đến hết tháng 12/2020 (*theo mẫu gửi kèm*)

+ Rà soát, thống kê các chỉ tiêu thực hiện theo Công văn số 31/LĐLĐ ngày 06/02/2020 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh (*theo mẫu gửi kèm*) gửi về Văn phòng LĐLĐ tỉnh **chậm nhất ngày 20/11/2020**, Email: vanphongldldnb@gmail.com.

Nơi nhận:

- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
 - LĐLĐ các huyện, TP, CĐN
 - Các Ban LĐLĐ tỉnh;
 - Lưu: VT.
- } (Qua Website)

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Kim Long



BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN (Số liệu ước thực hiện đến hết 31/12/2020)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với NLĐ				
1	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	DN		
	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	triệu đồng		
2	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra Trong đó	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
4	Tổng số vụ/số người bị tai nạn lao động. Trong đó:	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ/người		
	Số vụ tai nạn lao động chết người/số người chết. Trong đó	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ/người		
5	Số người mắc bệnh nghề nghiệp. Trong đó	người		
	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“		
6	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
	Số an toàn vệ sinh viên	người		
II. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động				
7	Số DN có thỏa ước lao động tập thể. Trong đó	DN		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
8	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	đơn vị		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB, CC, VC	đơn vị		
9	Số doanh nghiệp nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	DN		Ghi rõ số DN do ngành, địa phương quản lý trực tiếp
	Số DN ngoài khu vực Nhà nước đã tổ chức HN NLĐ	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Số DN nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
	Số DN ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
11	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó	đơn vị		Ghi rõ số CQ, ĐV, DN do ngành, địa phương quản lý trực tiếp
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước	DN		
12	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
13	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
14	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị			
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	cuộc		
15	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
16	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLĐ và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm công đoàn”	nhà		
	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng		
17	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vĩ mô)			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
18	Quỹ quốc gia về việc làm			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		

III. Công tác thi đua

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	“		
20	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
21	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	người		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
22	Số đoàn viên, NLĐ được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
23	Số đoàn viên, NLĐ được tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	lượt người		
24	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	lượt người		
V. Công tác nữ công				
25	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
26	Số CĐCS khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
27	Số CĐCS ngoài khu vực NN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
28	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng. Trong đó	người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“		
	+ CĐCS khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ CĐCS ngoài khu vực nhà nước	“		
29	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ Ngoài khu vực Nhà nước	“		
VI. Công tác kiểm tra				
30	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
VII. Công tác tổ chức				
31	Tổng số CNVCLĐ	người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“		
33	Tổng số CĐCS. Trong đó			
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
	+ Số nghiệp đoàn	“		
34	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
35	Số DN có 25 CNLĐ trở lên. Trong đó	DN		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	Số DN đã thành lập CĐCS	“		
36	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
37	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	“		
38	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đơn vị		
39	Số CĐCS khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		
	Số CĐCS ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị thống kê đầy đủ các mục, đảm bảo chính xác số liệu



GIÁO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN NĂM 2020
(kèm theo Công văn số 31/LĐLĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 của BTV LĐLĐ tỉnh)

		Tên đơn vị													
stt	Nhóm chỉ tiêu	NB	TĐ	HL	GV	NQ	YM	YK	KS	CĐVC	GD	KCN	Y TẾ	NN	Tổng số
I	TỔ CHỨC														
	1. Kết nạp đoàn viên	250	500	230	300	500	350	400	300			2000	35	40	4905
	2. Thành lập CĐCS	2	2	2	2	2	2	2	2			3	1	1	21
	3. Giới thiệu đoàn viên kết nạp Đảng	80	70	80	120	125	110	150	80	160	25	38	96	45	1179
	Trong đó: DN NNN	35	10	25	25	10	10	50	5			36	2	5	213
	4. CĐCS xếp loại HTTNV	114	62	71	94	118	96	105	117	66	28	19	27	18	935
	4.1. CĐCS KV NN HTTNV	64	47	52	83	106	83	90	103	66	26	1	25	15	761
	4.2. CĐCS KV NNN HTTNV	50	15	19	11	12	13	15	14		2	18	2	3	174
	5. Số lớp tập huấn	3	4	5	3	4	5	3	3	2	4	3	4	3	46
	6. Số CB CĐCS được tập huấn	450	400	357	577	550	600	650	650	450	350	232	300	280	300
II	Số đoàn viên được cập nhật, đổi thẻ đoàn viên	5200	11000	3125	4800	5600	5500	6500	4500	4000	2001	22700	4100	1800	80826
	- Trong đó: KV NNN	4249	10000	1525	1600	3500	2500	4000	2700		35	23932	25	390	54456
	CSPL, TĐKT														0
	1. Số cơ quan, đơn vị tổ chức HN CBCCVC/Tổng số đơn vị	63	46	52	95	120	83	91	121	66	26	1	27	14	805
	2. Số DN nhà nước tổ chức HN NLĐ/Tổng số doanh nghiệp.	1	1						1	1				1	5
	3. Số DN ngoài NN tổ chức HN NLĐ/Tổng số doanh nghiệp.	37	24	13	15	13	11	19	13		3	23	3	6	180
	4. Ký mới thỏa thuận hợp tác	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	13
	5. Số nhà xây dựng, sửa nhà MACĐ	1	6	1	4	1	2	2	1	1	1	6	1	1	28
	6. Số DN tổ chức đối thoại	37	24	13	15	13	11	19	13	0	3	23	3	6	180
	7. Số DN ký mới TULĐTT	10	15	9	7	6	6	3	3	5	0	14	0	0	75

stt	Nhóm chỉ tiêu	NB	TD	HL	GV	NQ	YM	YK	KS	CBVC	GD	KCN	Y TẾ	NN	Tổng số
8.	Số CDCS đề xuất tăng bữa ăn ca trên mức 15.000đ	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	3	0	0	11
9.	Tổ chức giám sát	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	2-3	2-3	3-5	3-5	1-2	35-58
10.	Đăng ký đề tài, sáng kiến	50-70	30-50	30-50	50-70	70-100	60-70	60-80	70-100	20-30	50-60	5-7	10-20	3-5	508-712
III TUYÊN GIÁO - NỮ CÔNG															
1.	CĐCS DN tổ chức Tháng công nhân	42	28	15	18	16	14	22	15	0	2	29	2	6	209
2.	Số cuộc tuyên truyền	106	74	64	104	124	90	107	126	59	54	33	27	19	987
3.	Số người được tuyên truyền	6500	14150	3250	5300	6950	7710	8950	6800	4000	1820	24800	3850	1710	95790
4.	Số CB nữ được tập huấn về BDG	204	144	144	269	318	214	230	302	159	79	93	71	45	2272
	danh hiệu "GVN - DVN"	3354	10614	1889	3864	4228	5039	7168	4561	1743	1199	14099	2510	581	60849
6.	Số Ban Nữ công quần chúng được thành lập trong Doanh nghiệp	1	4	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6
7.	Thành lập mô hình Dân vận khéo	4	6	5	7	8	6	8	8	7	8	10	6	5	88
IV UBKT															
1.	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức kiểm tra														
	- Trong đó: Kiểm tra chấp hành ĐLCD	17	12	10	17	17	15	17	15	9	6	8	6	5	154
	- Kiểm tra tài chính CD	23	16	14	23	25	18	20	18	13	8	10	8	7	203
2.	CĐCS tổ chức kiểm tra														
	- Trong đó: Kiểm tra chấp hành ĐLCD	11	8	7	11	13	10	12	14	6	3	4	3	2	104
	- Kiểm tra tài chính CD	59	41	35	58	69	50	59	70	33	15	18	15	10	532
V. TÀI CHÍNH															
	có văn bản giao chỉ tiêu riêng														

Ghi chú : - Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu gửi về LĐLĐ tỉnh

- Báo cáo 6 tháng trước 31/5

- Báo cáo năm trước 15/11

Tên đơn vị:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NĂM 2020
(theo Công văn số 31/LĐLĐ ngày 06/02/2020 của BTV LĐLĐ tỉnh)

Stt	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả
I	TỔ CHỨC	
	1. Kết nạp đoàn viên	
	2. Thành lập CĐCS	
	3. Giới thiệu đoàn viên kết nạp Đảng	
	Trong đó: DN NNN	
	4. CĐCS xếp loại HTTNV	
	4.1. CĐCS khu vực nhà nước HTTNV	
	4.2. CĐCS khu vực ngoài NN HTTNV	
	5. Số lớp tập huấn	
	6. Số CB CĐCS được tập huấn	
II	7. Số đoàn viên được cập nhật, đổi thẻ đoàn viên	
	- Trong đó: KV NNN	
	CSPL, TĐKT	
	1. Số cơ quan, đơn vị tổ chức HN CBCCVC/Tổng số đơn vị	
	2. Số DN nhà nước tổ chức HN NLĐ/ Tổng số doanh nghiệp.	
	3. Số DN ngoài NN tổ chức HN NLĐ/ Tổng số doanh nghiệp.	
	4. Ký mới thỏa thuận hợp tác	
	5. Số nhà xây dựng, sửa nhà MACĐ	
	6. Số DN tổ chức đối thoại	
	7. Số DN ký mới TULĐTT	
III	8. Số CĐCS đề xuất tặng bữa ăn ca trên mức 15.000đ	
	9. Tổ chức giám sát	
	10. Đăng ký đề tài, sáng kiến	
	TUYÊN GIÁO - NỮ CÔNG	
III	1. CĐCS DN tổ chức Tháng công nhân	
	2. Số cuộc tuyên truyền	
	3. Số người được tuyên truyền	
	4. Số CB nữ được tập huấn về BDG	
	5. Số CB nữ được công nhận danh hiệu "GVN - ĐVN"	

	6. Số Ban Nữ công quân chúng được thành lập trong Doanh nghiệp	
	7. Thành lập mô hình Dân vận khéo	
IV	UBKT	
	1. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức kiểm tra	
	- Trong đó: Kiểm tra chấp hành ĐLCĐ	
	- Kiểm tra tài chính CĐ	
	2. CĐCS tổ chức kiểm tra	
	- Trong đó: Kiểm tra chấp hành ĐLCĐ	
	- Kiểm tra tài chính CĐ	